

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 141/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05-02-2021
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Chí

Bà Lê Thị Thanh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nga, thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Oanh - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1435/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 402/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Thanh N, sinh năm 1976; Địa chỉ: Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Huỳnh Quốc D, sinh năm 1977; Địa chỉ: Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

(Bà N và ông D vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 11 năm 2020 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, bà Trương Thị Thanh N là nguyên đơn trình bày:

Tôi với ông Huỳnh Quốc D tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 07/5/2004.

Tôi và ông D chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc do ông D thường xuyên thất nghiệp và ông D ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gổ với nhau. Tôi nhiều lần khuyên, tạo điều kiện để vợ chồng giải tỏa mâu thuẫn nhưng ông D vẫn không thay đổi. Chúng tôi cứ lặp đi, lặp lại mâu thuẫn nêu trên, vợ chồng gây gổ với nhau ngày càng nhiều hơn. Chúng tôi sống riêng, không còn liên lạc với nhau từ cuối năm 2019 cho đến nay.

Tôi chung sống với ông D không hạnh phúc nên khởi kiện yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi yêu cầu ly hôn với ông D.

Về con chung: Tôi yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh N Đông N, sinh ngày 23/5/2006.

Về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản khi ly hôn: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2. Bị đơn – ông Huỳnh Quốc D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông D vắng mặt.

Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông D nhưng ông D không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và cũng không có ý kiến đối với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

3.1 Về việc tuân theo pháp luật:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng qui định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Nguyên đơn thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3.2 Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà N yêu cầu ly hôn với ông D. Ông D cư trú tại phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

- Hôn nhân giữa bà N và ông D là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01/2004 ngày 07/5/2004 của Ủy ban nhân dân Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hôn nhân chỉ bền vững khi vợ chồng yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau và cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Xét, bà N yêu cầu ly hôn với ông D do ông D không có việc làm ổn định, không tin tưởng bà, ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gổ với nhau, vợ chồng sống riêng từ cuối năm 2019 cho đến nay. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập ông D tham gia hòa giải để hòa giải, động viên vợ chồng hàn gắn đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng ông D không đến Tòa, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Qua kết quả xác minh của Hội liên hiệp phụ nữ Phường 4, quận Gò Vấp thể hiện bà N và ông D đang sống riêng, có phát sinh mâu thuẫn là sự thật.

Từ các cơ sở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy bà N và ông D không giải tỏa được mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N ly hôn.

[4] Về con chung: Xét, bà N đang trực tiếp nuôi con và con có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì quyền lợi mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử giao cho bà N trực tiếp nuôi con theo khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản khi ly hôn: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Căn cứ Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Thanh N được ly hôn với ông Huỳnh Quốc D .

Giấy chứng nhận kết hôn Giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01/2004 ngày 07/5/2004 của Ủy ban nhân dân Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực.

2. Về con chung: Bà N được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Huỳnh Ngọc Đông N, sinh ngày 23/5/2006.

Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản khi ly hôn: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0027341 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Ủy ban nhân dân Phường B, quận C;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Hồng Đào